MIRAE ASSET Securities

15 Tháng 08, 2022

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

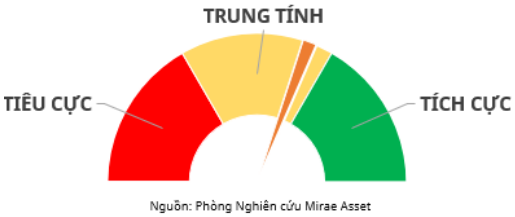

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,274.20	0.9	8.1	-6.1
HNX	303.97	0.2	6.9	-9.8
UPCOM	92.64	-0.2	6.1	0.5
MSCI EM	1,016.83	0.2	5.7	-20.6
NIKKEI	28,871.78	1.1	7.8	3.2
HANG SENG	20,051.14	-0.6	-1.2	-24.0
KOSPI	2,527.94	0.2	8.4	-20.3
FTSE	7,512.61	0.2	4.9	4.1
S&P 500	4,280.15	1.7	10.8	-4.2
NASDAQ	13,047.19	2.1	13.9	-12.0

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.6	2.1	15.5
Indonesia	15.4	2.2	13.3
Philippines	17.6	1.7	10.0
Malaysia	17.0	1.5	8.7
Thailand	16.5	1.6	9.7

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.0	-1	55	208
10 năm	3.5	-1	22	139

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	23,399	0.0	0.0	-2.4
US$/KRW	1,302.5	0.1	0.8	-10.8
US$/JPY	133.4	0.0	3.9	-18.1
US$/EUR	1.0	0.2	-1.4	15.1
US$/GBP	0.8	0.2	-2.0	14.3
US$/SGD	1.4	-0.2	1.9	-1.4

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	515	529	892
HNX	62	64	115
UPCOM	31	32	69

Các cổ phiếu tác động VN-Index

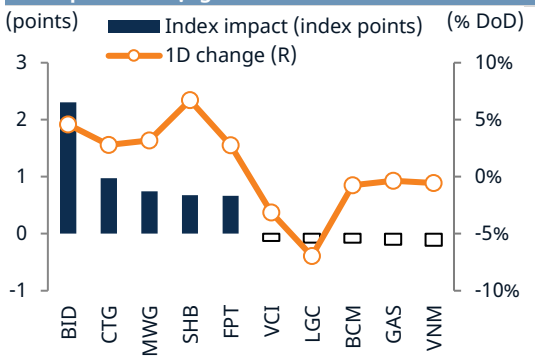

Nhận định thị trường

Ngân hàng nổi sóng

Hưởng ứng từ phiên tăng mạnh của thị trường chứng khoán Mỹ cuối tuần trước, VN-Index mở cửa nhảy gap tăng điểm ngay đầu phiên. Với tâm lý nhà đầu tư đang hưởng ứng tích cực, diễn biến của chỉ số trong phiên chỉ một chiều đi lên và đóng cửa cao nhất ngày. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tiếp tục tăng gần 12 điểm, tương ứng 0,9%, và đóng cửa tại 1.274 điểm. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 15.508 tỷ đồng, HNX: 1.650 tỷ đồng, UPCOM: 792 tỷ đồng

Xu hướng tích cực với 278 mã tăng so với 164 mã giảm trên sàn HOSE. Đáng chú ý, phiên hôm nay ghi nhận giao dịch tăng điểm mạnh mẽ của khối Ngân hàng. Trong nhóm VN30, ngoại trừ STB tham chiếu các mã Ngân hàng còn lại đều kết phiên trong sắc xanh với mức tăng từ 1%–4%, hay rộng hơn có LPB tăng 3,5% hay SHB thậm chí tăng trần 6,7%. Với vị thế vốn hóa lớn nhất thị trường của mình, nhóm Ngân hàng nổi sóng đã tác động lớn nhất đến chỉ số và tạo ảnh hưởng lan tỏa cho các nhóm ngành còn lại.

Khối ngoại hôm nay mua bán khá cân bằng khi chỉ mua ròng nhẹ hơn 60 tỷ, đáng chú ý với HPG được mua ròng hơn 184 tỷ đồng.

Phiên giao dịch tăng điểm tốt và điểm số kỹ thuật được cải thiện. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức +5, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,6x.

Trần Duy Lam, Analyst,84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	6	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	6	KHẢ QUAN
Kospi	5	KHẢ QUAN
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	6	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/08/2022)	1.274	Kháng cự 1	1.285
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.320
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.160

Xu hướng tăng điểm tiếp tục thể hiện rõ sau phiên ngày hôm nay với việc VN-Index mở gap đầu phiên và đóng cửa cao nhất ngày. Vùng kháng cự trước mắt nằm ở mức 1.300–1.320 điểm

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

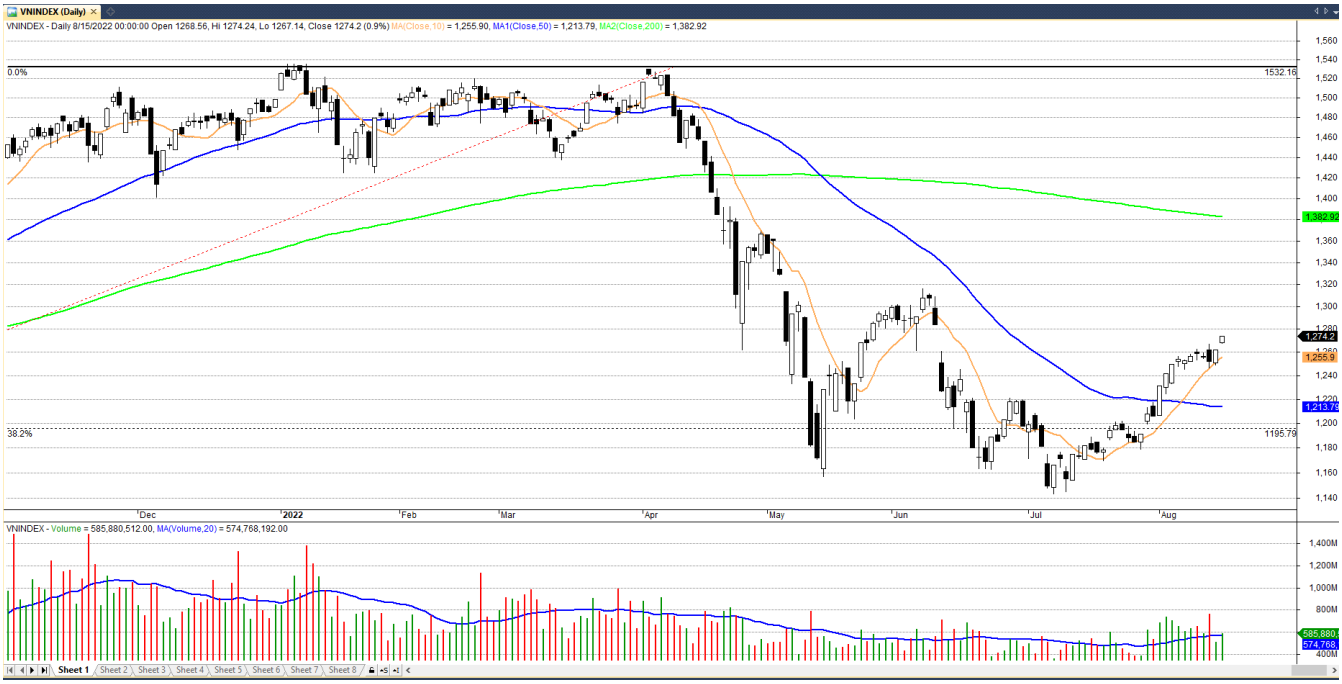

Nguồn: Fireant

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (15/08/2022)	1.293	Kháng cự 1	**1.260**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**KHẢ QUAN**	Kháng cự 2	**1.300**
VN30 – đóng cửa	1.293,8	Hỗ trợ 1	**1.200**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	-0,8	Hỗ trợ 2	**1.180**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	**+5**	**KHẢ QUAN**
VN30F1M (chart 60 phút)	**+5**	**KHẢ QUAN**
VN30F1M (chart ngày)	**+5**	**KHẢ QUAN**

Với phiên giao dịch một chiều như hôm nay, xu hướng trong ngày của VN30F1M là tích cực với các điểm kỹ thuật intra-day đều nằm ở mức khả quan.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)

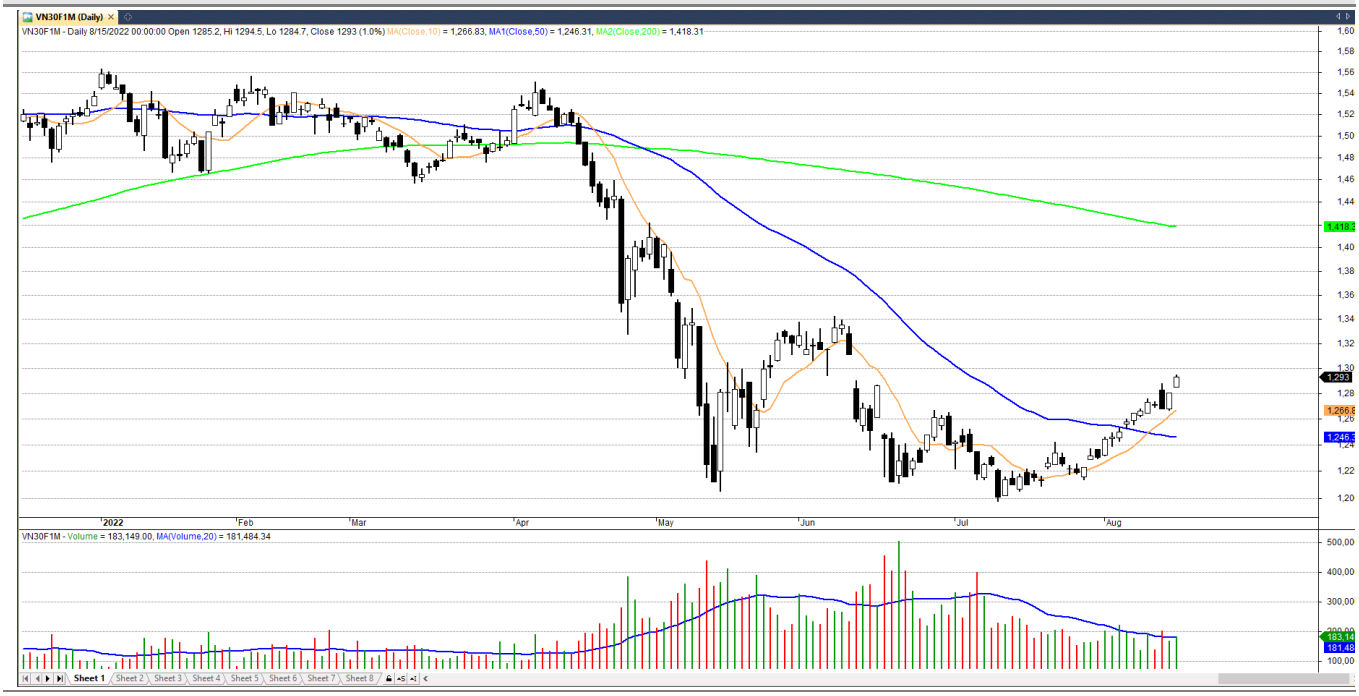

Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
LHG	Khu công nghiệp	39,200	551,575	**98**	5	**Top sức mạnh ngành**
DGW	Bán lẻ	70,000	662,165	**100**	5	
TCL	Kho bãi, hậu cần	42,100	98,590	**97**	5	
FRT	Bán lẻ	87,800	1,720,510	**85**	5	
HDG	Bất động sản	54,500	1,976,535	**91**	5	
HDB	Ngân hàng	26,300	2,065,830	**99**	5	
SHB	Ngân hàng	15,900	14,126,520	**93**	5	
BID	Ngân hàng	41,000	1,768,595	**88**	7	
BVS	Chứng khoán	23,900	331,320	**90**	5	
VGC	Vật liệu xây dựng	65,900	1,355,550	**93**	6	**Top sức mạnh ngành**

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DBC	28.6	6,779,315	**7**	**KHẢ QUAN**	6,921	25.3	1.5	194
CTG	29.45	4,297,695	**7**	**KHẢ QUAN**	141,529	9.6	1.4	127
REE	83.6	1,158,540	**7**	**KHẢ QUAN**	29,712	12.7	2.1	97
BID	41	1,768,595	**7**	**KHẢ QUAN**	207,399	15.9	2.3	73
VGC	65.9	1,355,550	**6**	**KHẢ QUAN**	29,546	15.1	3.8	89
VPB	30.35	11,875,245	**5**	**KHẢ QUAN**	134,920	8.1	1.5	360
SHB	15.9	14,126,520	**5**	**KHẢ QUAN**	42,403	5.8	1.1	225
PVS	26.3	7,276,790	**5**	**KHẢ QUAN**	12,571	23.6	1.1	191
FPT	88.9	1,843,610	**5**	**KHẢ QUAN**	97,526	19.7	5.0	164
FRT	87.8	1,720,510	**5**	**KHẢ QUAN**	10,402	17.5	5.7	151
VIX	13.9	8,541,990	**5**	**KHẢ QUAN**	7,634	7.8	0.9	119
HDG	54.5	1,976,535	**5**	**KHẢ QUAN**	13,331	9.6	2.7	108
VHC	87.8	933,100	**5**	**KHẢ QUAN**	16,100	7.9	2.2	82
ANV	51.8	1,397,680	**5**	**KHẢ QUAN**	6,585	13.5	2.4	72
TPB	28.95	2,300,550	**5**	**KHẢ QUAN**	45,792	8.3	1.6	67
PC1	40.2	1,601,510	**5**	**KHẢ QUAN**	9,453	19.4	1.9	64
HDB	26.3	2,065,830	**5**	**KHẢ QUAN**	52,921	7.6	1.6	54
DGW	70	662,165	**5**	**KHẢ QUAN**	11,415	15.5	5.3	46
VRE	29.55	1,511,555	**5**	**KHẢ QUAN**	67,147	51.8	2.1	45
SBT	19.15	1,931,455	**5**	**KHẢ QUAN**	12,048	13.9	1.4	37
HPG	24	29,914,970	**4**	**KHẢ QUAN**	139,555	5.1	1.4	718
STB	25.65	13,659,800	**4**	**KHẢ QUAN**	48,356	13.5	1.4	350
NKG	21.75	10,975,975	**4**	**KHẢ QUAN**	5,726	2.3	0.9	239
HSG	21.55	9,500,750	**4**	**KHẢ QUAN**	10,740	5.1	0.9	205
POW	14	12,335,820	**4**	**KHẢ QUAN**	32,786	20.8	1.1	173

TCB	39.1	4,383,525	**4**	**KHẢ QUAN**	137,277	6.8	1.3	171
GAS	114	594,640	**4**	**KHẢ QUAN**	218,190	17.0	3.7	68
VIC	66.4	1,005,045	**4**	**KHẢ QUAN**	253,245	#N/A N/A	#N/A N/A	67
PLX	42.1	994,410	**4**	**KHẢ QUAN**	53,492	81.9	2.3	42
VOS	18.2	1,850,220	**4**	**KHẢ QUAN**	2,548	4.4	1.9	34
GEX	24.65	9,958,180	**3**	**TRUNG TÍNH**	20,989	29.1	1.7	245
SHS	14.9	14,284,475	**3**	**TRUNG TÍNH**	12,116	9.8	1.3	213
MWG	65	3,245,580	**3**	**TRUNG TÍNH**	95,141	19.3	4.2	211
IDC	65.1	2,347,650	**3**	**TRUNG TÍNH**	21,483	10.8	4.0	153
CII	23.7	6,153,590	**3**	**TRUNG TÍNH**	5,977	18.9	1.1	146
PVD	19.2	7,028,175	**3**	**TRUNG TÍNH**	10,673	#N/A N/A	0.8	135
HNG	7.1	13,930,065	**3**	**TRUNG TÍNH**	7,871	#N/A N/A	2.8	99
PDR	54.2	1,759,975	**3**	**TRUNG TÍNH**	36,403	17.4	4.7	95
SZC	54.6	1,018,490	**3**	**TRUNG TÍNH**	5,460	24.0	3.7	56
IJC	23.7	1,780,845	**3**	**TRUNG TÍNH**	5,145	10.5	1.4	42
VND	22.45	23,403,736	**2**	**TRUNG TÍNH**	27,340	6.8	1.9	525
SSI	24.75	20,818,060	**2**	**TRUNG TÍNH**	36,856	9.3	1.8	515
HAG	12.35	23,115,540	**2**	**TRUNG TÍNH**	11,453	16.2	2.6	285
BSR	25.5	10,653,395	**2**	**TRUNG TÍNH**	79,063	12.1	2.1	272
DXG	28	9,622,270	**2**	**TRUNG TÍNH**	17,011	22.9	1.8	269
VCI	46.4	5,795,250	**2**	**TRUNG TÍNH**	15,544	10.2	2.2	269
DGC	93.1	2,404,510	**2**	**TRUNG TÍNH**	34,563	7.5	3.8	224
MBB	27.35	7,820,430	**2**	**TRUNG TÍNH**	103,337	6.6	1.5	214
VHM	61.5	2,122,340	**2**	**TRUNG TÍNH**	267,794	9.5	2.2	131
VCB	81.8	1,177,765	**2**	**TRUNG TÍNH**	387,120	#N/A N/A	#N/A N/A	96
BCG	17.05	4,997,775	**2**	**TRUNG TÍNH**	8,581	9.0	1.2	85
NLG	43.2	1,840,445	**2**	**TRUNG TÍNH**	16,543	21.1	1.9	80
ACB	24.95	3,034,030	**2**	**TRUNG TÍNH**	84,267	7.2	1.6	76
BVH	57.9	1,169,080	**2**	**TRUNG TÍNH**	42,980	24.3	2.0	68
ITA	8.19	7,978,135	**2**	**TRUNG TÍNH**	7,685	24.0	0.7	65
PNJ	114.7	564,915	**2**	**TRUNG TÍNH**	27,799	21.6	3.4	65
GMD	52.5	1,150,750	**2**	**TRUNG TÍNH**	15,822	19.4	2.3	60
IDI	20.65	2,874,730	**2**	**TRUNG TÍNH**	4,701	9.1	1.4	59
FTS	35.55	1,239,795	**2**	**TRUNG TÍNH**	6,820	8.9	2.1	44
PVT	21.1	2,036,635	**2**	**TRUNG TÍNH**	6,829	10.6	1.2	43
APS	17.3	1,990,120	**2**	**TRUNG TÍNH**	1,436	5.8	1.0	34
GEG	22.4	1,490,280	**2**	**TRUNG TÍNH**	7,211	23.0	2.0	33
LPB	16.15	7,374,235	**1**	**TRUNG TÍNH**	24,283	5.0	1.0	119
KBC	38.3	6,168,390	**0**	**TRUNG TÍNH**	29,399	11.7	1.7	236
CEO	34.9	6,568,650	**0**	**TRUNG TÍNH**	8,981	36.0	2.9	229
NVL	81.8	2,485,975	**0**	**TRUNG TÍNH**	159,496	49.5	4.3	203
DPM	47.9	2,633,200	**0**	**TRUNG TÍNH**	18,745	3.7	1.5	126
DCM	32.75	3,782,905	**0**	**TRUNG TÍNH**	17,338	4.7	1.7	124
MSN	108.5	807,750	**0**	**TRUNG TÍNH**	154,474	15.1	5.3	88
VPI	65.5	1,115,260	**0**	**TRUNG TÍNH**	14,410	24.2	4.4	73
SCR	12.4	5,525,475	**0**	**TRUNG TÍNH**	4,543	34.6	0.9	69
TNG	27.9	2,082,185	**0**	**TRUNG TÍNH**	2,793	9.6	1.9	58
LDG	10.9	4,313,290	**0**	**TRUNG TÍNH**	2,610	18.3	0.8	47

PHR	69	630,645	**0**	**TRUNG TÍNH**	9,349	14.1	2.8	44
KSB	29.4	1,395,780	**0**	**TRUNG TÍNH**	2,243	11.5	1.2	41
MIG	24.25	1,413,845	**0**	**TRUNG TÍNH**	3,988	20.4	1.9	34
PAN	23.75	1,432,015	**0**	**TRUNG TÍNH**	4,961	12.8	1.2	34
DIG	40.7	8,093,995	**-2**	**TRUNG TÍNH**	24,821	23.1	3.3	329
HCM	27.1	8,034,270	**-2**	**TRUNG TÍNH**	12,390	10.7	1.6	218
VNM	71.5	1,945,755	**-2**	**TRUNG TÍNH**	149,432	17.6	4.4	139
HBC	21.6	5,670,525	**-2**	**TRUNG TÍNH**	5,306	53.0	1.4	122
HAH	68.8	1,252,940	**-2**	**TRUNG TÍNH**	4,699	7.5	2.5	86
HDC	48.7	1,568,340	**-2**	**TRUNG TÍNH**	5,264	15.9	3.3	76
TCH	12.45	4,263,095	**-2**	**TRUNG TÍNH**	8,319	18.5	0.9	53
CTD	63	787,265	**-2**	**TRUNG TÍNH**	4,653	#N/A N/A	0.6	50
DPG	47.85	937,735	**-2**	**TRUNG TÍNH**	3,015	8.1	2.0	45
GVR	24.85	1,755,195	**-2**	**TRUNG TÍNH**	99,400	21.1	2.0	44
SAB	186	182,615	**-2**	**TRUNG TÍNH**	119,278	26.5	5.2	34
HUT	29.3	4,468,775	**-4**	**TIÊU CỰC**	10,215	38.8	2.6	131
KDC	68	1,253,420	**-4**	**TIÊU CỰC**	17,110	30.4	2.6	85
AAA	12.55	5,624,675	**-4**	**TIÊU CỰC**	4,798	13.6	0.8	71
VJC	124.4	545,840	**-4**	**TIÊU CỰC**	67,376	179.0	3.9	68
LCG	11.9	4,729,035	**-4**	**TIÊU CỰC**	2,257	12.0	0.9	56
VIB	26.25	2,112,910	**-4**	**TIÊU CỰC**	55,326	7.7	2.0	55
ASM	16.25	3,041,520	**-4**	**TIÊU CỰC**	5,469	6.5	1.0	49
NT2	26.55	1,359,415	**-4**	**TIÊU CỰC**	7,643	8.5	1.7	36
VCG	23.35	4,077,885	**-6**	**TIÊU CỰC**	11,345	10.2	1.5	95
HQC	5.22	9,657,385	**-6**	**TIÊU CỰC**	2,488	306.5	0.6	50
FCN	16.1	2,847,095	**-6**	**TIÊU CỰC**	2,535	82.5	1.0	46
MBS	20.4	2,051,950	**-7**	**TIÊU CỰC**	7,293	10.7	2.0	42

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

GDP Nhật Bản quay về mức tiền đại dịch

Tiêu dùng tăng tốc sau khi gỡ bỏ các chính sách phòng dịch giúp quy mô kinh tế Nhật Bản phục hồi về mức tiền đại dịch trong quý II.Văn phòng Nội các Nhật Bản hôm nay thông báo GDP nước này tăng 2,2% trong quý II, thấp hơn dự báo là 2,6%. Dù vậy, mức tăng này cũng đủ giúp quy mô nền kinh tế đạt 542.100 tỷ yên (4.100 tỷ USD), trên mức cuối năm 2019."GDP đã quay về mức tiền đại dịch. Tuy nhiên, tốc độ phục hồi vẫn chậm hơn các nước khác", Takeshi Minami, Nhà kinh tế học tại Viện Nghiên cứu Norinchukin nhận định. "Tôi cho rằng quý III sẽ tiếp tục tăng trưởng, nhưng tốc độ sẽ chậm lại". Việc Nhật Bản chấm dứt các hạn chế phòng dịch lên doanh nghiệp cuối tháng 3 đã giúp nền kinh tế tăng tốc. Tiêu dùng, đóng góp hơn nửa GDP nước này, dẫn dắt đà tăng quý II. Chi tiêu của doanh nghiệp cũng mạnh lên. Theo Văn phòng Nội các Nhật Bản, các lệnh hạn chế bị gỡ bỏ đã làm tăng chi tiêu tại nhà hàng, khách sạn và các cửa hàng thời trang.Dù vậy, tăng trưởng quý II chậm hơn kỳ vọng vài tháng trước đó, cho thấy nhu cầu tiêu dùng vẫn chưa tăng mạnh. Các nhà kinh tế dự báo Nhật Bản tiếp tục duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ. Chính phủ sẽ vẫn hỗ trợ cho các hộ gia đình chịu tác động từ cả đại dịch và lạm phát. Trong khi đó, các nền kinh tế lớn đều đang làm ngược lại khi nâng lãi suất để kìm hãm nhu cầu và đối phó lạm phát.GDP Nhật Bản quay về mức tiền đại dịch chậm hơn nhiều so với các nước lớn. Mỹ đã làm được điều này một năm trước. Phần lớn châu Âu cũng quay về mốc này cuối năm ngoái.Lạm phát tại Nhật Bản cũng đang nhích lên. Tuy nhiên, tiêu dùng có thể đi xuống nếu giá cả tăng nhanh hơn lương. Sau khi điều chỉnh theo lạm phát, lương tại Nhật Bản đã giảm ba tháng liên tục trong quý II.

Đà hồi phục chững lại, Trung Quốc tung giải pháp hỗ trợ

Đà phục hồi của Trung Quốc suy yếu trong tháng 7 trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới chi tiêu tiêu dùng của người dân, quyết định đầu tư của doanh nghiệp và triển vọng tăng trưởng kinh tế trong năm 2022, buộc ngân hàng trung ương quốc gia phải có những động thái hỗ trợ ngay đầu tuần này. Theo đó, sản lượng công nghiệp của quốc gia đông dân nhất thế giới tăng 3,8% trong tháng vừa qua so với cùng kỳ năm 2021, theo Cục Thống kê quốc gia. Con số thực tế thấp hơn mức tăng 3,9% ghi nhận trong tháng 6 và dự báo tăng 4,3% của giới chuyên gia. Doanh số bán lẻ tháng 7 cũng thấp hơn so với dự báo khi chỉ tăng 2,7%. Đầu tư tài sản cố định tăng 5,7% trong bảy tháng đầu năm, tiếp tục thấp hơn dự báo tăng 6,2% của nhiều chuyên gia kinh tế. Điểm tích cực tới từ tỷ lệ thất nghiệp khi giảm xuống 5,4%.

Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam dự kiến được trình Bộ Chính trị vào tháng 9

Bộ Giao thông vận tải vừa có báo cáo gửi Ban Chỉ đạo, các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải. Trong đó, Bộ Giao thông vận tải cho biết dự kiến tháng 9, Chính phủ trình Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến về chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam. Theo nghiên cứu Bộ Giao thông vận tải, dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam có quy mô đường đôi, khổ 1.435mm, điện khí hóa. Dự kiến chiều dài của dự án là 1.545km và có tốc độ khai thác tối đa khoảng 320km/h. Đoàn tàu sử dụng công nghệ động lực phân tán.Dự án có điểm đầu tại ga Ngọc Hồi (Hà Nội), điểm cuối tại ga Thủ Thiêm (TP HCM), đi qua 20 tỉnh, thành phố, gồm Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai và TP HCM.Tổng mức đầu tư

dự kiến toàn bộ dự án khoảng 58,71 tỷ USD. Trong đó, chi phí giải phóng mặt bằng 1,98 tỷ USD; chi phí xây dựng 31,58 tỷ USD, chi phí thiết bị 15 tỷ USD; chi phí quản lý dự án, tư vấn, khác 5,82 tỷ USD và chi phí dự phòng 4,07 tỷ USD.Để bảo đảm hiệu quả đầu tư và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, nhu cầu vận tải, Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án phân kỳ đầu tư theo 2 giai đoạn.Giai đoạn 1 đầu tư đoạn Hà Nội - Vinh và đoạn Nha Trang - TP HCM với chiều dài 665km. Theo đó. tổng mức đầu tư dự kiến giai đoạn này là 24,72 tỷ USD. Trong đó, việc chuẩn bị đầu tư cho toàn tuyến trong thời gian 2020-2026, thi công (2027-2031) và đưa dự án giai đoạn 1 vào khai thác vào 2032.Giai đoạn 2 đầu tư đoạn Vinh - Nha Trang để nối thông toàn tuyến, với chiều dài 894km và mức đầu tư dự kiến 33,99 tỷ USD. Trong đó, dự kiến đưa vào khai thác đoạn Vinh - Đà Nẵng vào 2040 và lj khai thác đoạn đoạn Đà Nẵng - Nha Trang vào 2045-2050.

ABT: trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 10%

CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre (Aquatex Bến Tre - HoSE: ABT) thông báo ngày 24/8 là ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 10%, cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được nhận 1.000 đồng. Với số lượng cổ phiếu lưu hành 11,78 triệu đơn vị, doanh nghiệp dự kiến thanh toán cho cổ đông 11,78 tỷ đồng, ngày thực hiện 9/9.Trước đó, Aquatex Bentre đã trả cho cổ đông cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10%. Như vậy, với đợt thanh toán này, công ty hoàn thành việc chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2021, tổng tỷ lệ 20% bằng tiền mặt.Aquatex Bentre tiền thân là Xí nghiệp Đông lạnh 22 được UBND tỉnh Bến Tre thành lập năm 1977. Từ 2004, đơn vị này được cổ phần hóa và chuyển thành CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre. Trong cơ cấu cổ đông, CTCP Tập đoàn PAN (HoSE: PAN) nắm giữ 78,33%, ông Lương Thanh Tùng nắm giữ 10,78%, Deutsche Asset Management (Asia) Limited nắm giữ 6,05%.Quý II năm nay, công ty ghi nhận doanh thu 178 tỷ đồng, tăng 130%. Giá vốn tăng thấp hơn, lợi nhuận gộp đạt 36 tỷ đồng, gấp 3,2 lần cùng kỳ năm trước. Doanh thu tài chính tăng mạnh từ 590 triệu đồng lên 18 tỷ đồng, chi phí tài chính tăng từ 830 triệu đồng lên 2,6 tỷ, chi phí quản lý và bán hàng tăng thêm 8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 32 tỷ đồng, gấp 29 lần cùng kỳ năm trước. Đây là mức lợi nhuận cao nhất ghi nhận 1 quý trong vòng 10 năm qua. EPS đạt 2.767 đồng, gấp gần 29 lần.Lũy kế 6 tháng, doanh nghiệp thủy sản ghi nhận doanh thu tăng 123% đạt 312 tỷ đồng, lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 121% lên 39 tỷ đồng. Công ty đặt kế hoạch doanh thu 520 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 50 tỷ đồng. Như vậy, Aquatex Bentre hoàn thành 60% kế hoạch doanh thu và 67% kế hoạch lợi nhuận.

HAG: lãi 125 tỷ đồng trong tháng 7

Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, HoSE: HAG) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 7 với doanh thu thuần 393 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu ngành chăn nuôi đạt 145 tỷ đồng, doanh thu cây ăn trái là 186 tỷ đồng còn doanh thu ngành phụ trợ đạt 62 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đơn vị này đạt 125 tỷ đồng, tăng 25% so với tháng 6 và cao hơn 40% so với bình quân 6 tháng.Lũy kế 7 tháng, doanh thu của HAGL là 2.260 tỷ đồng, lãi sau thuế 657 tỷ đồng. Trong năm nay, doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu 4.820 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.120 tỷ đồng, tăng lần lượt là 130% và 775% so với thực hiện năm ngoái. Như vậy công ty đã hoàn thành 53% kế hoạch doanh thu và 58,7% chỉ tiêu lợi nhuận năm. Trong 7 tháng qua, doanh nghiệp đã tiêu thụ tổng công 105.961 con heo thịt và 138.792 tấn trái cây. Trong đó, sản lượng chuối xuất khẩu là 100.255 tấn; chuối dùng cho sản xuất thức ăn gia súc là 38.537 tấn.

BCC: chốt quyền trả cổ tức 2021 bằng tiền tỷ lệ 5%

CTCP Xi măng Bỉm Sơn (HNX:BCC) thông báo ngày 25/8 là ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức tiền mặt năm 2021, tỷ lệ 5%, tương đương 500 đồng/cp. Với 123,2 triệu cổ phiếu đang lưu hành, đơn vị dự chi 61,6 tỷ đồng để thanh toán cổ tức cho cổ đông vào ngày 25/10.

HAX: chi 470 tỷ đồng mua đất xây khu phức hợp tại TP HCM

Haxaco (HoSE: HAX) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử đất thuộc thuộc chủ trương dự án khu căn hộ cao tầng N&T Tower của Công ty cổ phần đầu tư N&T và ông Bùi Trung Quân. Tổng số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tối đa 470 tỷ đồng.Doanh nghiệp mua đất để phát triển dự án khu phức hợp kinh doanh ôtô kết hợp văn phòng, căn hộ cao cấp. Dự án tại đường Võ Văn Kiệt, khu phố 3, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP HCM; diện tích 5.798 m2, loạt đất tại đô thị, số tầng cao xây dựng tối đa 24 tầng.

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử

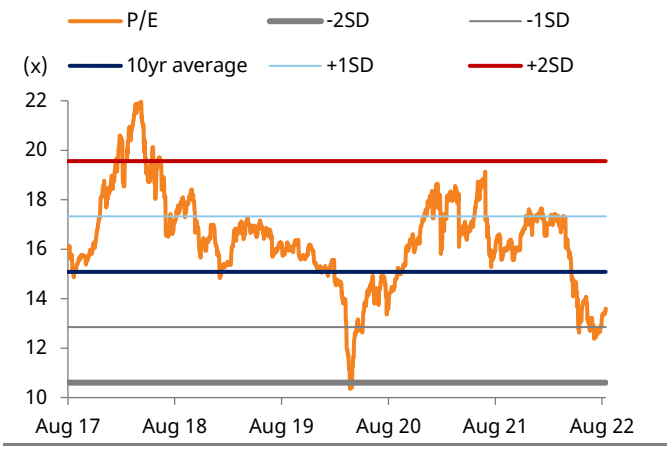

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường

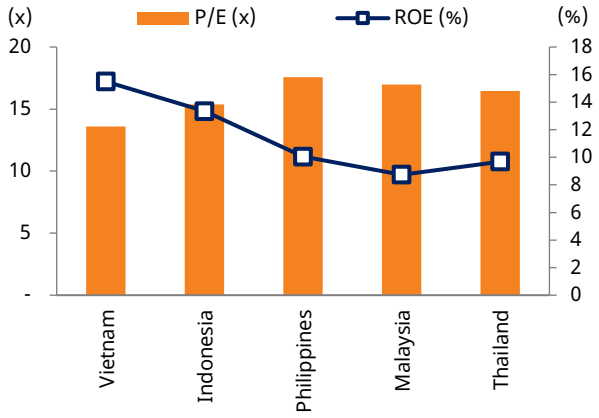

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND

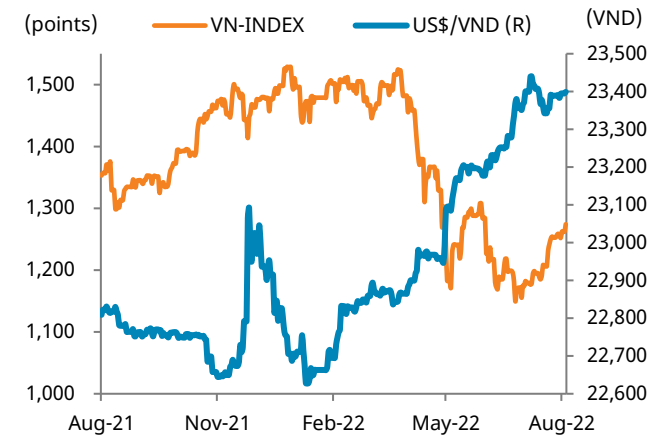

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets

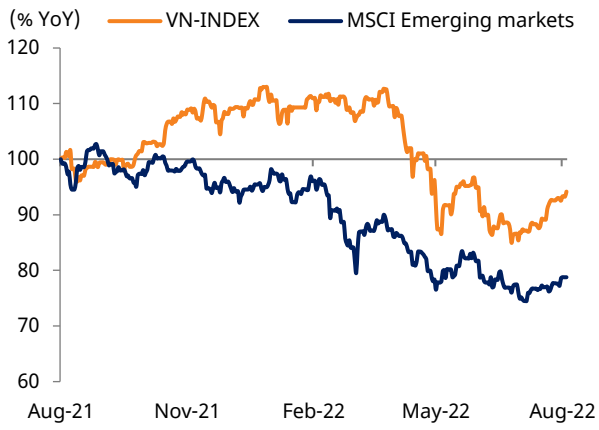

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

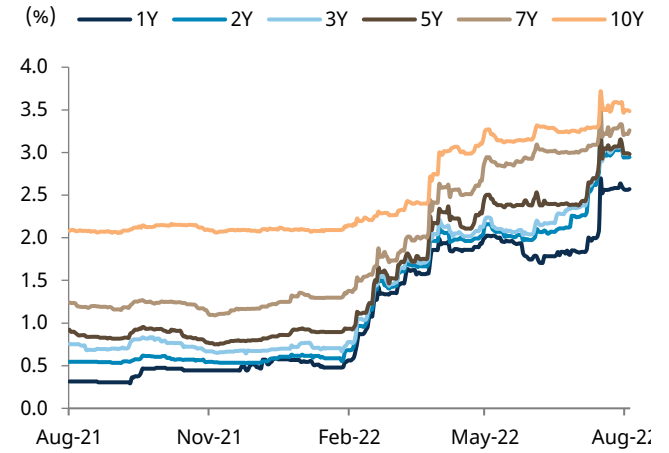

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

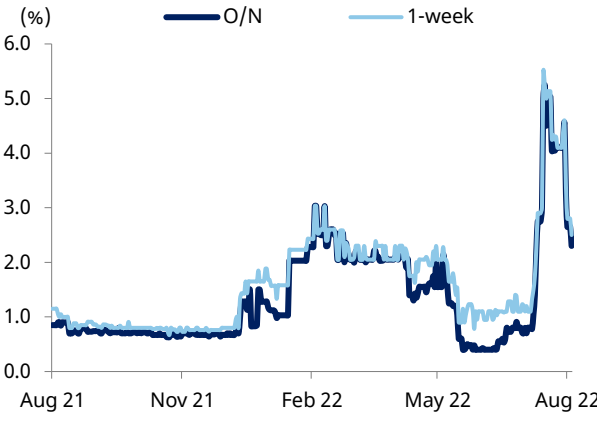

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
		(VND)	(VND bn)	(%)	1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	**VN-Index**	**1,274.20**	**5,016,625**		**0.9**	**1.4**	**8.1**	**-6.1**	**14.7**	**12.1**	**2.2**	**2.0**	**35.3**	**21.1**	**15.5**	**18.8**
VN30 Index	**VN30**	**1,293.79**	**3,482,886**		**1.0**	**1.3**	**6.0**	**-12.8**	**12.1**	**10.6**	**2.3**	**1.9**	**38.5**	**14.4**	**19.6**	**21.3**
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,950	84,267	30.0	0.6	0.4	4.0	-11.8	8.9	6.8	1.9	1.5	24.6	30.5	23.5	24.7
BIDV	BID VN	41,000	207,399	16.9	4.6	6.8	14.5	21.2	23.7	15.7	2.5	2.1	50.3	51.0	11.0	15.7
Bao Viet Holdings	BVH VN	57,900	42,980	26.6	-0.5	0.7	2.5	6.4	22.7	18.1	2.0	1.9	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	29,450	141,529	26.8	2.8	3.5	9.1	-14.1	10.0	7.6	1.5	1.3	18.2	32.8	15.8	18.1
FPT Corp	FPT VN	88,900	97,526	49.0	2.8	3.4	8.2	12.3	24.5	18.4	5.4	4.7	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	114,000	218,190	3.0	-0.3	2.8	16.9	22.6	26.2	15.6	4.3	3.7	8.1	68.1	16.8	24.4
Vietnam Rubber Group	GVR VN	24,850	99,400	0.5	0.0	-0.8	7.3	-28.6	23.9	20.4	2.1	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	26,300	52,921	17.4	3.5	5.0	11.4	-5.4	8.7	7.3	1.8	1.4	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	24,000	139,555	20.1	0.2	0.8	3.4	-35.9	4.4	5.1	1.5	1.2	151.5	-14.3	42.8	27.7
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	38,800	27,813	32.1	0.0	0.1	6.7	2.1	23.8	19.5	2.7	2.4	3.1	22.0	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	27,350	103,337	23.2	1.1	0.6	7.5	-7.6	8.1	6.6	1.7	1.4	53.0	22.4	23.6	23.7
Masan Group Corp	MSN VN	108,500	154,474	28.7	1.2	2.6	7.2	-2.5	17.9	25.3	4.7	4.0	589.7	-29.2	35.1	17.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	65,000	95,141	49.0	3.2	2.2	5.7	14.0	18.8	15.4	4.6	3.2	18.2	22.6	27.3	25.7
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	81,800	159,496	5.7	0.4	-1.7	11.1	3.5	45.0	30.9	4.5	4.0	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	54,200	36,403	2.6	0.7	0.9	2.7	-19.4	20.2	#N/A	5.2	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	42,100	53,492	17.6	0.4	0.4	5.8	-20.4	23.5	19.6	2.1	2.1	160.6	19.9	9.7	11.0
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	26,250	55,326	20.5	1.7	1.0	8.2	-13.1	8.7	6.6	2.3	1.7	39.0	31.0	29.9	28.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	14,000	32,786	2.4	0.0	0.4	7.7	23.9	18.5	17.7	1.1	1.0	-24.2	4.4	6.2	6.0
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	186,000	119,278	62.8	2.2	2.2	20.8	22.5	33.8	26.4	5.6	5.0	-22.9	28.0	17.1	20.4
SSI Securities Corp	SSI VN	24,750	36,856	24.9	-0.6	0.8	17.3	-32.4	10.2	9.4	1.8	1.4	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	25,650	48,356	22.9	0.0	3.0	11.5	-13.6	15.7	12.8	1.4	1.3	30.6	23.1	9.5	11.5
Techcombank	TCB VN	39,100	137,277	22.5	0.8	0.8	8.3	-25.1	7.6	6.4	1.5	1.2	46.1	19.0	21.7	20.7
Tien Phong Bank	TPB VN	28,950	45,792	30.0	1.2	2.3	6.8	7.4	9.0	10.4	1.8	1.4	28.5	-14.0	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	81,800	387,120	23.6	0.2	1.6	13.1	4.8	19.5	14.6	3.6	2.8	19.7	34.0	19.6	21.2
Vinhomes JSC	VHM VN	61,500	267,794	23.3	0.5	0.3	2.5	-33.4	6.8	8.6	2.1	1.8	40.9	-20.5	36.9	21.6
Vingroup JSC	VIC VN	66,400	253,245	12.2	0.3	2.5	-4.6	-32.6	#N/A	269.9	2.5	2.5	-145.6	135.9	-2.8	8.4
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	124,400	67,376	16.8	0.1	-0.8	-0.2	5.4	895.0	44.5	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	71,500	149,432	54.6	-0.6	-1.4	-0.1	-20.5	15.8	16.7	4.5	4.4	-5.3	-5.4	29.3	27.7
VPBank	VPB VN	30,350	134,920	17.6	1.5	0.8	7.4	-14.1	11.5	7.2	1.7	1.4	11.6	58.6	17.9	20.7
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,550	67,147	32.1	0.7	4.0	12.8	5.5	51.1	29.4	2.2	2.1	-44.8	74.1	4.4	8.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.